

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ T  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST

Ngày 05 tháng 9 năm 2022

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Dầm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;

2. Bà Nguyễn Thị Kiều Trang.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Phan Hoàn Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm: 1999; Địa chỉ: Tổ 4, ấp A, xã B, thị xã T, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: Khóm C, phường D, thành phố E, tỉnh Đồng Tháp. Số điện thoại: 0767.955.361 (có mặt);

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh K, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Tổ 4, ấp A, xã B, thị xã T, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0908.809.004 (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy D trình bày: Chị D và anh Nguyễn Minh K thông qua mai mối, được cha, mẹ 02 bên đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2019 (theo giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 19/9/2019 của UBND xã B, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho chị Nguyễn Thị Thúy D và anh Nguyễn Minh K). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, sống hạnh phúc kể từ khi kết hôn đến cuối năm 2019

thì phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống từ tháng 9/2021 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là sống không hợp nhau, thường xuyên cự cãi xung đột nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng vợ chồng bất đồng quan điểm, anh K thường xuyên có hành động bạo lực đối với chị D mỗi khi có mâu thuẫn xảy ra. Chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không hàn gắn sống chung nhau được và nay chị D yêu cầu ly hôn với anh K

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Huỳnh Thảo Ng, sinh ngày 03/11/2019, hiện đang sống chung với chị D. Khi ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 263/TB-TLVA ngày 16/02/2022 cho ông Nguyễn Văn P thông qua người thân (cha ruột anh K) nhận thay và ông P xác nhận có thông tin cho anh K biết về việc chị Nguyễn Thị Thúy D khởi kiện ly hôn với anh K tại Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang nhưng đến nay Tòa án không nhận được văn bản ý kiến của anh K đối với yêu cầu của chị D và các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) của anh K gửi cho Tòa án.

Tòa án đã ra thông báo mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh K vắng mặt theo các lần triệu tập của Tòa án nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về tình cảm, con chung được. Ngày 23/6/2022, Tòa án ban hành Thông báo số 37/TB-TA về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung, công khai tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập cho anh K được biết thông qua ông Nguyễn Văn P (cha anh K) để giao lại cho anh K và anh K cũng không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh K vắng mặt, chị D giữ nguyên ý kiến yêu cầu ly hôn với anh K.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh Công An xã B, thị xã T, tỉnh An Giang; Biên bản xác minh ấp A, xã B, thị xã T, tỉnh An Giang, Cụ thể:

- Qua xác minh Công an xã B, thị xã T cung cấp: Dương sự Nguyễn Minh K, sinh năm 1988 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 5, ấp A, xã B, thị xã T, tỉnh An Giang. Hiện nay dương sự Nguyễn Minh K vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên, chưa cắt chuyển hộ khẩu đi nơi khác sinh sống, dương sự Khang hiện còn đang sinh sống tại địa phương.

- Qua xác minh ông Nguyễn Văn S – Trưởng ấp A, xã B, thị xã T, tỉnh An Giang trình bày: Anh K và chị D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Mâu thuẫn giữa K và D phát sinh như thế nào thì không biết nhưng có lần chị D đến báo chính quyền địa phương xin cắt hộ khẩu thì anh K không đồng ý và sự việc dẫn cho đến nay.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Bị đơn vắng mặt, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa: Chị D và anh K quen biết nhau trước, được cha mẹ hai bên đồng ý tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, thường xuyên cự cãi xung đột nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng vợ chồng bất đồng quan điểm, anh K thường xuyên có hành động bạo lực đối với chị D mỗi khi có mâu thuẫn xảy ra nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh K là có căn cứ.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị D và anh K có 01 (một) con chung tên Nguyễn Huỳnh Thảo Ng, sinh ngày 03/11/2019, hiện sống chung với chị D. Khi ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ng và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy D được ly hôn anh Nguyễn Minh K.

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thúy D được nuôi dạy cháu Nguyễn Huỳnh Thảo Ng, sinh ngày 03/11/2019. Anh Nguyễn Minh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không yêu cầu.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*\*Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Thúy D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh K. Anh K có nơi cư trú: Tổ 05, ấp A, xã B, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Minh K được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*\* Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị D và anh K do quen biết nhau trước, được cha mẹ hai bên đồng ý tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã T, tỉnh An Giang (theo giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 19/9/2019 của UBND xã B, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho chị Nguyễn Thị Thúy D và anh Nguyễn Minh K). Hôn nhân giữa chị D và anh K là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị D khai, sau khi kết hôn, chị D và anh K chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, thường xuyên cự cãi xung đột nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng vợ chồng bất đồng quan điểm, anh K thường xuyên có hành động bạo lực đối với chị D mỗi khi có mâu thuẫn xảy ra. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh K.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị D và anh K hàn gắn tình cảm gia đình nhưng anh K vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án. Từ đó, cho thấy anh K chưa thật sự hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị D.

Tình trạng vợ chồng của chị D và anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững. Xét, cho chị D ly hôn với anh K là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về nuôi con chung: Chị D và anh K có 01 (một) con chung tên Nguyễn Huỳnh Thảo Ng, sinh ngày 03/11/2019 hiện chị D đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu Nguyễn Huỳnh Thảo Ng, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét, chị D yêu cầu được nuôi dạy con chung tên Nguyễn Huỳnh Thảo Ng, sinh ngày 03/11/2019, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận.

Chị Nguyễn Thị Thúy D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Minh K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến, nếu sau này giữa chị D và anh K có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thúy D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí.

Anh Nguyễn Minh K không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[5] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy D.

Chị Nguyễn Thị Thúy D được ly hôn với anh Nguyễn Minh K.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 56 ngày 19/9/2019 của Ủy ban nhân dân xã B, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho chị Nguyễn Thị Thúy D và anh Nguyễn Minh K không còn giá trị pháp lý

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thúy D được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nguyễn Huỳnh Thảo Ng, sinh ngày 03/11/2019 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động được. Anh Nguyễn Minh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Thúy D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Minh K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Thúy D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0006169 ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh An Giang; Chị Nguyễn Thị Thúy D đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Minh K không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị D là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Nguyễn Minh K là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TX. T;
- Chi cục THADS TX. T;
- Toà án nhân dân tỉnh An Giang;
- UBND xã B, T, AG;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hữu Dầm**